**Mẫu kế hoạch giáo dục của giáo viên theo Công văn 5512:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS.........**TỔ: Tự nhiên 2Họ và tên giáo viên:....... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**
**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC SINH HỌC; LỚP 9 A**
(Năm học 2021 - 2022)

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT/TIẾT | Bài học(1) | Số tiết(2) | Thời điểm/tuần(3) | Thiết bị dạy học(4) | Địa điểm dạy học(5) |
| 37 | Công nghệ tế bào | 01 | 19 | Tranh vẽ H31 sgk, tranh một số loài được nhân bản vô tính. | Lớp học |
| 38 | Công nghệ gen | 01 | Tranh H32 sgk, tranh minh họa thành tựu công nghệ gen. | Lớp học |
| 39 | Bài 34. Thoái hóa do tự thụ phấn và do giao phối gần | 01 | 20 | H 34.14. sgk phóng to. | Lớp học |
| 40 | Bài 35. Ưu thế lai | 01 | - Một số tranh ảnh về tạo giống vật nuôi, cây trồng.- Tài liệu về thành tựu tạo ƯTL | Lớp học |
| 41 | Bài 39. Thực hành: Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng | 01 | 21 | - Một số tranh hoặc ảnh về các giống vật nuôi: bò lai F1, lợn lai F1, vịt lai F1, gà lai F1, cá lai F1, giống lúa, giống đậu tương ( hoặc lạc, dưa), ngô lai.- Chuẩn bị phiếu học tập và bảng phụ ghi nội dung bảng 39/115. | Lớp học |
| 42 | Ôn tập phần di truyền và biến dị | 01 | Bảng phụ, câu hỏi và bài tập vận dụng. | Lớp học |
| 43 | Bài 41. Môi trường và các nhân tố sinh thái. | 01 | 22 | - Tư liệu như SGK /117- Tranh H41.1 / SGK , PHT. | Lớp học |
| 44 | Bài 42. Ảnh hưởng của ánh sáng lên đời sống sinh vật. | 01 | - Tranh hình SGK. Bảng phụ 42.1/SGK; 42.1/SGV-140- Một số cây: lá lốt, vạn niên thanh, lúa... | Lớp học |
| 45 | Bài 43. Ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật | 01 | 23 | - Tranh Tranh H43.1-3- Bảng phụ 43.1-2 SGK | Lớp học |
| 46 | Bài 44. Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật. | 01 | - Bảng phụ ghi nội dung bảng (44 SGK).- Tranh hình 44.1, 44.2, 44.3 SGK. | Lớp học |
| 47 | Bài 45. Thực hành: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật | 02 | 24 | - Kẹp ép cây, giấy báo, kéo- Giấy kẻ li, bút chì, vợt bắt côn trùng- Băng hình về môi trường sống của SV | Thực địa |
| 48 | Bài 46. Thực hành: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật | Lớp học |
| 49 | Bài 47. Quần thể sinh vật | 01 | 25 | - Tranh về quần thể thực vật, động vật. PHT (Bảng 47.2) | Lớp học |
| 50 | Ôn tập giữa học kì II | 01 | Hệ thống câu hỏi và bài tập về chương 1, 2 | Lớp học |
| 51 | Kiểm tra giữa học kì II |   | 26 | Ma trận, đề thi, đáp án | Lớp học |
| 52 | Bài 48. Quần thể người | 01 | - Tranh vẽ H48. PHT(Bảng 48.1)- Tư liệu về dân số ở Việt Nam từ năm 2005- 2010- Tranh ảnh tuyên truyền về dân số | Lớp học |
| 53 | Bài 49. Quần xã sinh vật | 01 | 27 | Tranh H49.1-2/sgk-147.Sưu tầm thêm tài liệu về quần xã SV. | Lớp học |
| 54 | Bài 50. Hệ sinh thái | 02 | - Máy chiếu (Tranh hệ sinh thái: rừng nhiệt đới, Sanvan, rừng ngập mặn...)- Tranh một số động vật được cắt rời: con thỏ, hổ sư tử, chuột, dê, trâu....Hệ thống bài tập về hệ sinh thái | Thực địaLớp học |
| 55 | Bài 51. Thực hành: Hệ sinh thái | 28 | - Dao con, dụng cụ đào đất, vợt bắt côn trùng, túi nilon. Kính lúp, giấy, bút- Băng hình về các hệ sinh thái | Thực địa |
| 56 | Bài 52. Thực hành: Hệ sinh thái | 01 | Lớp học |
| 57 | Bài 53. Tác động của con người đối với môi trường | 01 | 29 | - Tư liệu về môi trường, hoạt động của con người tác động đến môi trường.- PHT | Lớp học |
| 58, | Chủ đề 4: Ô nhiễm môi trường | 02 | - Tranh hình sgk, tranh ảnh thu thập được trên báo.- Tư liệu về ô nhiễm môi trường | Lớp học |
| 59 | Chủ đề 4: Ô nhiễm môi trường | 30 | Lớp học |
| 60 | Bài 56, 57. Thực hành: Tìm hiểu tình hình môi trường địa phương | 02 | - Giấy bút- Bảng phụ 56.1, 56.2, 56.3 (sgk trang 170,171, 172) | Thực địa |
| 61 | Bài 56, 57. Thực hành: Tìm hiểu tình hình môi trường địa phương | 31 | Lớp học |
| 62 | Bài 58. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên | 01 | - Tranh ảnh về các mỏ khai thác, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên. Bảng phụ.- Tư liệu về tài nguyên thiên nhiên- Phiếu học tập: Sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước, rừng | Lớp học |
| 63 | Bài 59. Khôi phục môi trường và gìn giữ thiên nhiên hoang dã. | 01 | 32 | - Tranh hình 59.1- Bảng phụ 59, sgk trang 179 | Lớp học |
| 64 | Bài 60. Bảo vệ đa dạng các hệ sinh thái. | 01 | - Tranh ảnh về hệ sinh thái. Bảng phụ (ghi nội dung bảng 60.1 sgk)- Tư liệu về môi trường và hệ sinh thái. | Lớp học |
| 65 | Bài 61. Luật bảo vệ môi trường | 01 | 33 | - Nội dung chương 2, chương 3 của Luật bảo vệ môi trường | Lớp học |
| 66 | Bài 62. Thực hành: Vận dụng Luật bảo vệ môi trường vào việc bảo vệ môi trường ở địa phương | 01 | - Giấy, bút- Nội dung Luật bảo vệ môi trường | Lớp học |
| 67 | Bài 64, 65, 66. Tổng kết chương trình toàn cấpBài 64, 65, 66. Tổng kết chương trình toàn cấp | 02 | 34 | - Bảng phụ: Nội dung bảng 64.1 à 64.6, bảng ghi báo cáo của nhóm- Bảng phụ: Nội dung bảng 65.1 à 65.5, bảng ghi báo cáo của nhóm- Bảng phụ: Nội dung bảng 66.1 à 66.5, bảng ghi báo cáo của nhóm | Lớp học |
| 68 | Lớp học |
| 69 | Bài 63. Ôn tập cuối kỳ II | 01 | 35 | Hệ thống câu hỏi và bài tập phần sinh vật và môi trường | Lớp học |
| 70 | Kiểm tra cuối kỳ II | 01 | Ma trận, đề thi, đáp án | Lớp học |

2. Chuyên đề lựa chọn (không)

II. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)

- Bồi dưỡng học sinh giỏi

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ TRƯỞNG(Ký và ghi rõ họ tên) | ........, ngày...... tháng...... năm......GIÁO VIÊN(Ký và ghi rõ họ tên) |

**Mẫu khung kế hoạch giáo dục của giáo viên**

Phụ lục III

KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: ........****TỔ: .........**Họ và tên giáo viên: ........ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC .........., LỚP............**

**(Năm học 20..... - 20.....)**

I. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Bài học(1) | Số tiết(2) | Thời điểm(3) | Thiết bị dạy học(4) | Địa điểm dạy học(5) |
| 1 |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |

2. Chuyên đề lựa chọn(đối với cấp trung học phổ thông)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề(1) | Số tiết(2) | Thời điểm(3) | Thiết bị dạy học(4) | Địa điểm dạy học(5) |
| 1 |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |
| ... |   |   |   |   |   |

(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.

(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài dạy/chuyên đề.

(3) Tuần thực hiện bài học/chuyên đề.

(4) Thiết bị dạy học được sử dụng để tổ chức dạy học.

(5) Địa điểm tổ chức hoạt động dạy học (lớp học, phòng học bộ môn, phòng đa năng, bãi tập, tại di sản, thực địa...).

2. Nhiệm vụ khác (nếu có): (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)

..........

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**(Ký và ghi rõ họ tên) | … ngày tháng năm**GIÁO VIÊN**(Ký và ghi rõ họ tên) |